

Bản án số: 113/2018/HS-ST

Ngày: 03 - 7 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Nhuận, Giáo viên nghỉ hưu.

Bà Trần Ngọc Phương, Chủ tịch Hội Nông dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 6 và 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đinh Hoàng T. (tên gọi khác: Tú), sinh năm 1991 tại A; nơi ĐKNKTT: Ấp B xã B, huyện C, tỉnh A; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên tư vấn vay vốn tín dụng Công ty T; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh Văn Đức E, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; có vợ Võ Thị Thúy An, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-8-2016 đến nay.

2. Ngô Thành T (tên gọi khác: Tèo), sinh năm 1990 tại An Giang; nơi ĐKNKTT: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh A; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên tư vấn vay vốn tín dụng Công ty T; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Kim T (đã chết) và bà Võ Thị Đ, sinh năm 1953; vợ Lưu Thị Kim K, sinh năm 1989 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-8-2016 đến nay.

3. Trần Hoàng T, sinh năm 1994 tại H; nơi ĐKNKTT: Ấp X, xã R, huyện C, tỉnh H; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Ngọc H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-9-2016 đến nay.

4. Đặng Phan Quốc K, sinh năm 1990 tại Đồng Tháp; nơi ĐKNKTT: Khóm M; phường A, thị xã H, tỉnh Đ; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; quốc

tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Thanh B, sinh năm 1956 và bà Phan Bạch N, sinh năm 1956; có vợ Đoàn Thị Thúy V, sinh năm 1993 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-8-2016 đến nay.

5. Đoàn Thị Thúy V, sinh năm 1993 tại Đ; nơi ĐKNKTT: Khóm M; phường S, thị xã H, tỉnh Đ; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đoàn Văn T, sinh năm 1963 và bà Trần Thị Thanh T (đã chết); chồng Đặng Phan Quốc K, sinh năm 1990 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31-8-2016 đến ngày 09-9-2016 được tại ngoại đến nay.

6. Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 19-5-1999 tại B [đến thời gian thực hiện hành vi phạm tội (ngày 10-8-2016) bị cáo được 17 năm, 02 tháng, 21 ngày tuổi]; nơi ĐKNKTT: Khu phố I, phường L, thị xã T, tỉnh B; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc P (không rõ năm sinh) và bà Lê Thị Kim C (không rõ năm sinh); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17-10-2017 đến nay.

7. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 tại Thành phố H; nơi ĐKNKTT: Số 12/17 đường số 9, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Phan Thị T, sinh năm 1946; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 160/2016/HSSST ngày 23-12-2016 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 30-8-2016; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Tổng Lê Chân thuộc Bộ Công An.

Các bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thành T:* Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1981, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Công ty T; trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9, đường Đ, Phường M, Quận B, Thành phố H. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Thanh K, sinh năm 1986; trú tại: 44C/10 đường Đ, phường L, thị xã T, tỉnh B, là đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

2. Công ty Tài chính H; trụ sở: Lầu 8,9,10 Tòa nhà Gilimex, số 24C đường P, Phường S, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Gia L, sinh năm: 1990; trú tại: 69/4A đường N, Phường M, quận B, Thành phố H, là đại diện theo ủy quyền. Có đơn xin vắng mặt.

3. Công ty Tài chính HC; trụ sở: Tầng 1, Cao ốc văn phòng G, số 473 đường Đ, Phường H, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Long H, sinh năm: 1986; trú tại: Ấp 94, xã X, huyện T, tỉnh Đ, là đại diện theo ủy quyền. Có đơn xin vắng mặt.

4. Ông Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1983 – Chủ Hộ kinh doanh T; địa chỉ: 29/18 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần T; địa chỉ: 130 đường T, phường T, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Doãn D, sinh năm: 1991; trú tại: Phường B, thị xã T, tỉnh B, là đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt.

2. Công ty V; địa chỉ: 328-330 đường B, Phường M, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Ngọc V, Tổng Giám đốc, là đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

3. Công ty TNHH K; địa chỉ: Số 52A, tổ 2, khu phố M, phường A, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, là đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

4. Công ty B; địa chỉ: 13/6A khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị T, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, là đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

5. Công ty F; địa chỉ: 261-263 đường K, Phường N, Quận B, Thành phố H. Vắng mặt.

6. Nguyễn Thanh L, sinh năm 1981 - Chủ Hộ kinh doanh Q; địa chỉ: Phường L, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1966; nơi ĐKNKTT: Xã A, huyện H, tỉnh Đ; chỗ ở: Khu phố M, phường T, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Ông Lê Thanh S, sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT: 515 đường N, thị xã A, tỉnh B. Vắng mặt.

3. Ông Trần Văn H, sinh năm 1980; nơi ĐKNKTT: Xã V, huyện U, thành phố H; chỗ ở: Khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Hoàng T. là nhân viên tư vấn, lập hồ sơ vay vốn tín dụng của Công ty T. Đinh Hoàng T. sinh sống và làm việc tại địa bàn tỉnh Bình Dương từ giữa năm 2015 cho đến ngày bị bắt.

Trong quá trình làm việc, có nhiều cá nhân chưa có việc làm ổn định nên không thể có bản Hợp đồng lao động hoặc xác nhận công tác, xác nhận bằng lương (hoặc sao kê lương) để bổ túc hồ sơ đề nghị vay vốn theo quy định của Công ty T.

Khoảng đầu năm 2015, Đinh Hoàng T quen biết một người tên H (không rõ lai lịch). H nói cho T. biết có thể làm được Giấy xác nhận công tác, xác nhận mức lương cho bất cứ cá nhân nào tại các Doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn nhờ vào các mối quan hệ quen biết. Mặc dù biết việc làm trên là sai quy định, nhưng trong khoảng thời gian từ giữa năm 2015 đến tháng 10 năm 2015, T. nhiều lần nhờ H làm các tài liệu như vậy cho khách hàng nhưng không còn nhớ lai lịch cụ thể của họ.

Đến tháng 10 năm 2015, đối tượng H về khu vực ngã ba Vũng Tàu sinh sống. Thời gian đầu, T. vẫn còn qua lại để làm các hồ sơ xác nhận cho khách. Trong một lần ở tại phòng trọ của H, T. trực tiếp thấy H dùng máy vi tính, máy in màu in ra giả các tài liệu có hình dấu của cơ quan chức năng. Cũng trong khoảng thời gian này, H và T. nảy sinh mâu thuẫn về giá cả và do xa xôi nên T. không nhờ H làm nữa mà nảy sinh ý

định và mua máy móc , phương tiện để tự làm ra các tài liệu giả . T. bàn bạc cùng Ngô Thành T đi mua máy in màu, máy in – photocopy đa năng về phòng trọ của mình tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương để làm giả tài liệu. Kể từ khi mua sắm máy móc , phương tiện, T. đã làm giả tài liệu xác nhận bằng lương , xác nhận công tác , hợp đồng lao động cho nhiều khách hàng của mình và khách hàng của bạn bè để họ bỏ túi hồ sơ vay vốn nhưng cũng không nhớ rõ lai lịch những người này.

Trong quá trình làm tư vấn vay vốn, Ngô Thành T và Đinh Hoàng T. thường nhận được sổ hộ khẩu phô tô công chứng của khách hàng nên T và T. bàn bạc dùng những tài liệu này và làm giả thêm chứng minh nhân dân có lai lịch phù hợp với lai lịch người trong sổ hộ khẩu đó rồi dán hình của một người bất kỳ miễn là người đó đồng ý sẽ là người đứng ra mua tài sản theo hình thức vay tín chấp của Ngân hàng để trả cho đơn vị bán hàng.

Khoảng tháng 3 đến tháng 4 năm 2016, vợ chồng Đoàn Thị Thúy V và Đặng Phan Quốc K có nhận được tờ rơi quảng cáo dịch vụ vay vốn tiêu dùng, qua đó có liên lạc và quen biết Ngô Thành T và Đinh Hoàng T.. Trong quá trình đó, V và K đã nhận lời cầu kết với T trong việc làm giả giấy tờ, tài liệu để thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

1. Sau khi Đinh Hoàng T làm giả giúp Ngô Thành T mặt trước Giấy chứng minh nhân dân với đầy đủ thông tin lai lịch của người mang tên Nguyễn Thị Kha L, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh K ép vào mặt sau của chứng minh nhân dân thật có sẵn (các giấy chứng minh nhân dân thật này do T và T. mua sẵn của người ngoài xã hội không rõ lai lịch) đưa cho T. Ngày 17-7-2016, Ngô Thành T dán hình của V lên ép Plastic lại rồi cùng V, K đến Công ty TNHH B mua một xe máy Honda Vision với giá 36.500.000đ, trực tiếp trả 5.000.000đ cho Cửa hàng xe máy B, còn lại làm thủ tục vay của Công ty T số tiền 31.500.000đ bằng hình thức tín chấp theo quy trình là: Đoàn Thị Thúy V xưng là Nguyễn Thị Kha L và xuất trình chứng minh nhân dân giả nêu trên cùng sổ hộ khẩu mà T đã chuẩn bị sẵn để thực hiện thủ tục vay vốn Công ty T. Sau khi nhân viên Ngân hàng thẩm định hồ sơ và thẩm định nghiệp vụ (như gọi điện cho người thân do T và đồng bọn sắp xếp đóng vai cho nhau để trả lời cho Ngân hàng). Công ty T đã đồng ý cho vay và đã giải ngân cho Công ty TNHH B số tiền 31.500.000 đồng.

2. Cũng trong ngày 17-7-2016, với cách thức và thủ đoạn như trên, sau khi chiếm đoạt được chiếc xe máy Honda Vision, Ngô Thành T, Đoàn Thị Thúy V và Đặng Phan Quốc K tiếp tục đến Công ty TNHH K (Cửa hàng xe máy K) mua một xe Honda Airblade với giá 40.000.000đ, trực tiếp trả 4.000.000đ và vay số tiền 36.000.000đ của Công ty T theo quy trình là: Đặng Phan Quốc K xuất trình chứng minh nhân dân được làm giả với lai lịch là Đào Trọng N, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú tại Xã T, huyện T, tỉnh K mà T đã chuẩn bị sẵn để thực hiện thủ tục vay vốn và Công ty T đã đồng ý cho vay, giải ngân cho Công ty TNHH K số tiền 36.000.000 đồng.

3. Khoảng năm 2015, Trần Hoàng Thuận quen biết Đinh Hoàng T, trong một lần T. kể cho Th nghe và rủ Thuận cùng thực hiện tội phạm với các h thức làm giả giấy tờ tùy thân để đi mua hàng vay trả góp nhằm chiếm đoạt và được Th đồng ý.

Ngày 22-7-2016, Đinh Hoàng T. đăng ký mua trả góp một máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A9 Pro trên hệ thống bán hàng trả góp trực tuyến của Công ty Cổ phần T để vay tiền của Công ty T. Sau khi được duyệt hồ sơ, theo hướng dẫn, ngày 22-7-2016, Đinh Hoàng T. và Trần Hoàng T đến Địa điểm kinh doanh số 6

– Chi nhánh Công ty CP T, địa chỉ: 63A/1 khu phố M, phường A, thị xã T để làm thủ tục mua một điện thoại Samsung Galaxy A9 Pro với giá 11.990.000đ, trả trước số tiền là 4.796.000đ (do Đinh Hoàng T. chuẩn bị trước đó) và được Công ty T cho vay số tiền 7.194.000đ theo quy trình là: Trần Hoàng T xuất trình chứng minh nhân dân được làm giả với hình ảnh của Th, mang tên Phạm Văn N, sinh năm 1993, HKTT: Tân Hội Trung, Cao Lãnh, Đồng Tháp và một sổ hộ khẩu giả để làm thủ tục vay. Sau khi nhận được điện thoại T., Th đến Cửa hàng điện thoại di động Q bán được 9.000.000đ, trừ đi số tiền trả trước, còn lại là 4.204.000đ T. và Th chia nhau tiêu xài.

4. Ngày 23-7-2016, Ngô Thành T và Đinh Hoàng T. làm giả Giấy chứng minh nhân dân tên Lâm Phước T, sinh năm 1988, HKTT: xã M, huyện H, tỉnh K và dán ảnh của T. T đem chứng minh nhân dân đến Cửa hàng thế giới di động số 19, chi nhánh Công ty Cổ phần T tại 5/A1 khu dân cư Đ thuộc phường Ba, thị xã T mua 01 điện thoại hiệu SamSung A7 với giá 9.990.000 đồng, trả trước 2.000.000 đồng và được Công ty tài chính TNHH Công ty T cho vay số tiền là 7.990.000 đồng. T đưa điện thoại đưa cho Th mang đến Cửa hàng điện thoại Q bán được số tiền 7.000.000 đồng, T cho Th 1.000.000 đồng, trừ đi 2.000.000 đồng của T, số còn lại T chia cho T. 1/2.

5. Ngày 24-7-2016 Ngô Thành T và Trần Hoàng T sử dụng chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh N, dán ảnh của Th đi đến cửa hàng V, địa chỉ: 27/17 đường ĐT743, thuộc khu phố B, phường B, thị xã T mua trả góp 01 điện thoại di động hiệu SamSung trị giá 10.250.000 đồng, T trả trước 2.000.000 đồng và được Công ty TNHH HC cho vay số tiền 8.250.000 đồng. Sau khi mua được điện thoại, T và Th đến Cửa hàng điện thoại di động Q bán được 7.000.000 đồng, T cho Th 500.000 đồng, chia cho T. 2.250.000 đồng, còn lại T cất giữ tiêu xài.

6. Ngày 31-7-2016, Ngô Thành T và Trần Hoàng T đến Địa điểm kinh doanh của Chi nhánh của Công ty F (Cửa hàng F) tại số 5/171 đường T, khu phố H, phường T, thị xã T để làm thủ tục mua một điện thoại di động Samsung Galaxy A7 với giá 9.990.000đ, trả trước số tiền là 2.000.000 đồng (do T chuẩn bị trước đó) và được Công ty T cho vay số tiền 7.990.000 đồng và Công ty T đã giải ngân cho Công ty F. Trong quá trình đó, Trần Hoàng T đã xuất trình một chứng minh nhân dân được làm giả với hình ảnh của Th, mang tên Lê Minh N, sinh năm 1992, HKTT: Khánh Hòa, Khánh An, An Phú, An Giang và sổ hộ khẩu giả do T chuẩn bị sẵn. Sau khi nhận được điện thoại T, Th đến Cửa hàng điện thoại di động Q bán được 7.000.000 đồng, trừ đi số tiền trả trước còn lại 5.000.000 đồng, T cho Th 1.000.000 đồng và giữ số tiền còn lại để tiêu xài.

7. Vào khoảng tháng 06 năm 2016, thông qua mạng xã hội, Lê Thị Ngọc H có quen biết và cùng sinh sống với Đinh Hoàng T., Ngọc H biết được việc làm giả con dấu, tài liệu và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đinh Hoàng T cùng đồng bọn.

Khoảng đầu tháng 8-2016, Ngô Thành T có đưa cho Đinh Hoàng T. một bản chứng thực Sổ hộ khẩu gia đình của một khách hàng tư vấn vay vốn. Căn cứ vào nội dung sổ hộ khẩu đó, Đinh Hoàng T. cạo sửa một phần nội dung và làm giả một tờ chứng minh nhân dân có dán ảnh của Lê Thị Ngọc H với lai lịch là Võ Thị Y, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: An Lạc, Định An, Lập Võ, Đồng Tháp. Sau đó, cả ba dùng tài liệu giả trên để đăng ký mua hàng trực tuyến của Công ty Cổ phần T. Theo hướng dẫn, ngày 10-8-2016, Lê Thị Ngọc H đã cùng với Đinh Hoàng T, Ngô Thành T đến địa điểm kinh doanh số 22 – Chi nhánh Công ty Cổ phần T tại số 200, khu phố T, phường A, thị xã T. H trực tiếp vào làm thủ tục vay Công ty T số tiền 11.990.000 đồng để mua một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A9 Pro. Điện thoại này Lê

Thị Ngọc H sử dụng và đã làm mất.

8. Vào thời điểm tháng 8-2016, Đinh Hoàng T chuyển về tạm trú tại phường T, thị xã T, tỉnh B thì gặp Nguyễn Thị Thu H ở tạm trú chung dãy trọ nên quen biết nhau. Cũng vào khoảng thời gian này, Thu H có nhận cầm cố một xe Honda Airblade biển số 72K1-197.91 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký cho một đứa em ngoài xã hội thường gọi là B đen (không rõ lai lịch) với giá 15.000.000 đồng. Hết thời hạn cầm cố như đã thỏa thuận nhưng Nguyễn Thị Thu H không liên lạc được với B đen. Do cần tiền tiêu xài, Nguyễn Thị Thu H đưa cho Đinh Hoàng T xe mô tô biển số 72K1-197.91 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký do Cơ quan Công an cấp để đi cầm cố. Sau khi bàn bạc cùng Nguyễn Thị Thu H, Đinh Hoàng T đã làm giả một tờ chứng thực chứng minh nhân dân với hình ảnh của mình và thông tin lai lịch của người thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký xe là Đặng Hoàng K, địa chỉ tại thị trấn L, huyện L, tỉnh B. Đến ngày 27-8-2016, sau khi chuẩn bị xong các tài liệu có liên quan về nhân thân và phương tiện, Đinh Hoàng T đến Hộ kinh doanh T xuất trình các tài liệu và được cầm cố với giá 25.000.000 đồng. T. về đưa cho Thu H số tiền 25.000.000đ, H chia cho T. 5.000.000 đồng, còn lại là 20.000.000 đồng Huyền cất giữ đến khi bị bắt giữ.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiến hành xác minh tại Cơ sở cầm đồ T, qua đó có thu giữ vật chứng là một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade mang biển số 72K1-197.91 và tài liệu có liên quan nhằm thực hiện việc cầm cố là 01 bản chứng thực Chứng minh nhân dân mang tên Đặng Hoàng K, trên có lời xác nhận và hình dấu của Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa, thị xã Thuận An. Cơ quan điều tra Công An thị xã Thuận An đã trưng cầu giám định.

Theo bản kết luận giám định số 2087/GĐ-PC54 ngày 07-9-2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, hình dấu tròn thể hiện trên tài liệu nói trên là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

9. Ngày 25-7-2016 với thủ đoạn như trên, Ngô Thành T dùng chứng minh nhân dân làm giả mang tên Lê Quang B, sinh năm 1988, hộ khẩu: Ấp 2, Trĩ Phải, Thới Bình, Cà Mau vay số tiền 9.592.000 đồng từ Công ty Tài chính H để mua điện thoại Samsung Galaxy A9 Pro tại chi nhánh Công ty Cổ phần sản xuất thương mại xuất nhập khẩu V, đường ĐT 745 khu phố Đ, phường L, thị xã T. Điện thoại này T sử dụng và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Trong khoảng thời gian tháng 07 năm 2016, Đinh Hoàng T. và Ngô Thành T đã làm giả cho Đặng Phan Quốc K một Đơn xác nhận công tác tại Công ty TNHH Rong He Furniture, một đơn xin xác nhận mức lương tại Công ty TNHH L; làm giả cho Đoàn Thị Thúy V một Hợp đồng lao động tại Công ty TNHH Y, một Đơn xin xác nhận mức lương tại Công ty TNHH Y để đề nghị vay vốn nhưng hồ sơ không đạt, tài liệu giả được K cất giữ tại cơ sở trọ và Cơ quan điều tra đã phát hiện, thu giữ.

Cuối tháng 08 năm 2016, Đinh Hoàng T có làm giả một bộ hồ sơ đề nghị vay vốn tiêu dùng với số tiền 40.000.000đ cho Đặng Phan Quốc K dưới lai lịch là Đặng Thanh Quốc, HKTT: An Thạnh, Hồng Ngự, Đồng Tháp. Hồ sơ trên được Đặng Phan Quốc K mang đến điểm tư vấn tín dụng đề biên S tại khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B để đăng ký, truyền dữ liệu về Công ty để thẩm định. Tuy nhiên, hồ sơ nói trên không được Công ty duyệt cho vay. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh tại địa điểm tư vấn tín dụng đề biên S đối với hoạt động tư vấn vay vốn tiêu dùng của cá nhân mang tên Đặng Thanh Q nói trên. Qua làm việc ông Trần Văn N, sinh năm 1986, HKTT: Phong Thạnh, Giá Rai, Bạc Liêu cung cấp: Hồ sơ tư vấn vay vốn tiêu dùng của cá nhân mang tên Đặng Thanh Q do nhân viên cũ là Trần Văn T trực tiếp tư

vấn. Nay không rõ Trần Văn T ở đâu, làm gì nên không rõ hồ sơ đó hiện ở đâu. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Qua làm việc với Công ty T xác định:

Công ty T có ký Hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thế giới di động, khi khách hàng có đề nghị vay vốn để mua hàng hóa của Công ty T thì được Công ty T xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị và cấp vốn. Quá trình thực hiện hoạt động liên kết có cấp vốn cho các cá nhân sau:

1. Phạm Văn N, sinh năm 1993, trú tại: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Đ theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20160722-604208-2217 ngày 22-7-2016, số tiền vay là 7.194.000đ. Đơn vị được giải ngân: Công ty Cổ phần Thế giới di động.

2. Lê Minh N, sinh năm 1992, trú tại: Ấp K, xã K, huyện S, tỉnh A theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20160731-604318-2363 ngày 31-7-2016, số tiền vay là 7.990.000đ. Đơn vị được giải ngân: Chi nhánh Công ty F.

3. Nguyễn Thị Kha L, sinh năm 1990, trú tại: Bình Thành, Tân Thành, Tân Hiệp, Kiên Giang theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20160717-104100-1341 ngày 17-7-2016, số tiền vay là 31.500.000đ. Đơn vị được giải ngân: Công ty TNHH MTV B.

4. Đào Trọng N, sinh năm 1990, trú tại: Ấp Tân An, Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20160717-104059-1779 ngày 17-7-2016, số tiền vay là 36.000.000đ. Đơn vị được giải ngân: Công ty TNHH MTV K.

5. Võ Thị Y, sinh năm 1995, trú tại: An Lạc, Định An, Lấp Vò, Đồng Tháp theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20160810-604370-4905 ngày 10-8-2016, số tiền vay là 11.990.000đ. Đơn vị được giải ngân: Công ty Cổ phần Thế giới di động.

6. Lâm Phước T, sinh năm 1988; trú tại: Mỹ Hưng, Mỹ Lâm, Hòn Đất, Kiên Giang theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20160723-600125-0878 ngày 23-7-2016, số tiền vay là 8.389.500đ. Đơn vị được giải ngân: Công ty Cổ phần Thế giới di động.

Qua làm việc với Công ty Tài chính H xác định:

Công ty Tài chính H có ký Hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu V. Theo đó, khi khách hàng có đề nghị vay vốn để mua hàng hóa của Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu V thì sẽ được Công ty Tài chính H xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị và cấp vốn. Quá trình thực hiện hoạt động liên kết kinh doanh có cấp vốn cho cá nhân có tên:

Lê Quang B, sinh năm 1988, hộ khẩu: Ấp 2, Trí Phải, Thới Bình, Cà Mau theo Đơn đề nghị cấp tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số OL 004278333 ngày 25-7-2016 với số tiền 9.592.000đ.

Qua làm việc với Công ty Tài chính HC xác định:

Công ty Tài chính HC có ký Hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu V. Theo đó, khi khách hàng có đề nghị vay vốn để mua hàng hóa của Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu V thì sẽ được Công ty Tài chính HC xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị và cấp vốn. Quá trình thực hiện hoạt động liên kết kinh doanh có cấp vốn cho cá nhân có tên:

Lê Minh N, sinh năm 1992, trú tại: Ấp K, xã K, huyện A, tỉnh A theo đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3676366562 ngày 24-7-2016 với số tiền vay 8.250.000đ.

Qua làm việc với Công ty B (Cửa hàng xe máy B) xác định:

Công ty B có liên kết với Công ty T để bán hàng trả góp. Theo đó, Công ty B có bán một xe Honda Vision giá 36.500.000đ (đã gồm các phí dịch vụ dẫn g ký) cho khách hàng có tên Nguyễn Thị Kha L, Công ty T giải ngân số tiền 31.500.000đ. Riêng số tiền trả trước 5.000.000đ chưa được thực hiện và Công ty B cũng không có yêu cầu bồi thường.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra trung cầu giám định đối với tài liệu thu giữ nơi tạm trú của Đinh Hoàng T tại phường T, thị xã T, tỉnh B:

- 01 tờ đơn xin xác nhận mức lương (trên có hình dấu của Công ty TNHH A).
- 01 tờ Đơn xin xác nhận công tác (trên có hình dấu của Công ty TNHH A)
- 01 tờ Đơn xin xác nhận công tác (trên có hình dấu của Công ty TNHH MTV may mặc Bình Dương)

Theo bản kết luận giám định số 2087/GĐ-PC54 ngày 07-9-2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, hình dấu tròn thể hiện trên các tài liệu nói trên là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tiến hành khám xét nơi ở tạm trú Đặng Phan Quốc K tại phòng trọ số 3, nhà 183L1/2 khu phố M, phường A, thị xã T, tỉnh B qua đó có thu giữ tài liệu và đã trung cầu giám định đối với các tài liệu trên.

Theo Kết luận giám định số 09/GĐ-PC54 ngày 10-02-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương như sau:

- 01 tờ Đơn xin xác nhận lương có hình dấu của Công ty TNHH Công nghiệp Y thể hiện là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.
- 01 tờ Đơn xin xác nhận lương có hình dấu của Công ty TNHH L thể hiện là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.
- 01 Bản hợp đồng lao động số 54/01/15 có hình dấu của Công ty Y thể hiện là thật.
- 01 Bản hợp đồng lao động số 54/06/16 có hình dấu của Công ty Y thể hiện là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.
- 01 tờ Đơn xin xác nhận công tác có hình dấu của Công ty Re thể hiện là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.
- 01 Bản sao sổ hộ khẩu số 010271818 có hình dấu xác nhận của UBND phường T, thị xã T, tỉnh B là thật.

Tiến hành khám xét nơi ở tạm trú của Đinh Hoàng T. tại phường T, thị xã T, tỉnh B thu giữ:

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vaio.
- 01 máy in đa năng nhãn hiệu HP M125a.
- 01 máy in đa năng nhãn hiệu HP CP1025.
- 01 con chuột vi tính.
- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vision.

Theo Kết luận giám định số 105/GĐ-PC54 ngày 18-4-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương như sau:

1. Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Kha L trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Kha L của Đoàn Thị Thúy V trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1) do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên Phạm Văn N và Lê Minh N trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A7 đến A16) so với chữ ký, chữ viết họ tên Phạm Văn N và Lê Minh N của Trần Hoàng T trên tài liệu mẫu (ký hiệu M2) do cùng một người ký và viết ra.

Theo Kết luận giám định số 121/GĐ-PC54 ngày 03-5-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương như sau:

Chữ ký viết tên Yên và chữ viết họ tên Võ Thị Y trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với chữ ký viết Yên và chữ viết họ tên Võ Thị Y của Lê Thị Ngọc H trên 01 (một) “Biên bản làm việc”, đề ngày 06-4-2018 (ký hiệu M) do cùng một người ký và viết ra.

Bản Cáo trạng số 39/QĐ-VKS-TA ngày 08-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố các bị cáo:

Đinh Hoàng T., Ngô Thành T., Đặng Phan Quốc K và Đoàn Thị Thúy V về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm b Khoản 2 Điều 267 và Điểm e Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Trần Hoàng T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm b Khoản 2 Điều 267 và Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Lê Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Thu H về vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 267 và Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đinh Hoàng T. thừa nhận nhiều lần làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức để cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi lừa đảo. Tuy nhiên, bị cáo T. cho rằng mình chỉ làm hồ sơ giả mà T, K và V sử dụng lừa đảo chiếm đoạt tài sản khi mua 02 xe mô tô và làm giả hồ sơ tên Lê Quang B mà T sử dụng lừa đảo chiếm đoạt tài sản khi mua điện thoại di động. Bị cáo T. không trực tiếp tham gia cũng như hưởng lợi trong những lần thực hiện hành vi nói trên nên bị cáo chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Các bị cáo còn lại khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo:

Đinh Hoàng T.: Từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Ngô Thành T: Từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Đặng Phan Quốc K: Từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Đoàn Thị Thúy V: Từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Trần Hoàng T: Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Lê Thị Ngọc H: Từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Nguyễn Thị Thu H: Từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Người bào chữa cho bị cáo T thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T có hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ và bị bệnh hiểm nghèo không có tiền chữa trị, gia đình bị cáo có công với Nhà nước nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T., Đặng Phan Quốc K., Đoàn Thị Thúy V., Trần Hoàng T., Lê Thị Ngọc H., Nguyễn Thị Thu H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản sự việc, biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 8 năm 2016, tại phòng trọ của T. và T ở phường Th Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, T. và T nhiều lần làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

2.1. Khoảng tháng 4 năm 2016, T. và T làm giả Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kha L và Đào Trọng N.

Ngày 17-7-2016, T dán hình của V lên chứng minh nhân dân tên Kha Lao rồi ép Plastic lại xong cùng với V, K đến Công ty TNHH B mua một xe mô tô Honda Vision với giá 36.500.000đ, trực tiếp trả 5.000.000đ cho Cửa hàng xe máy, còn lại làm thủ tục lừa đảo của Công ty T số tiền 31.500.000đ.

2.2. Cũng trong ngày 17-7-2016, sau khi chiếm đoạt được xe mô tô trên, T dán

hình của K lên chứng minh nhân dân tên Trọng Nghĩa rồi ép Plastic lại xong cùng với V và K tiếp tục đến Công ty TNHH K mua một xe Honda Airblade với giá 40.000.000đ, trực tiếp trả 4.000.000đ, còn lại làm thủ tục lừa đảo của Công ty T số tiền 36.000.000đ.

2.3. Trong khoảng thời gian tháng 07 năm 2016, T. và T làm giả cho K một Đơn xác nhận công tác tại Công ty TNHH Rong He Furniture, một đơn xin xác nhận mức lương tại Công ty TNHH L; làm giả cho V một Hợp đồng lao động tại Công ty TNHH Y, một Đơn xin xác nhận mức lương tại Công ty TNHH Y để đề nghị vay vốn nhưng hồ sơ không đạt.

2.4. Ngày 23-7-2016, T và T. làm giả Giấy chứng minh nhân dân tên Lâm Phước T. T đem chứng minh nhân dân đến Cửa hàng số 19, chi nhánh Công ty Cổ phần T tại 5/A1 khu dân cư Đ thuộc phường B, thị xã T mua 01 điện thoại hiệu SamSung A7 với giá 9.990.000 đồng, trả trước 2.000.000 đồng và được Công ty tài chính TNHH Công ty T cho vay số tiền là 7.990.000 đồng. T đưa điện thoại đưa cho Th mang đến Cửa hàng điện thoại Q bán được số tiền 7.000.000 đồng, T cho Th 1.000.000 đồng, trừ đi 2.000.000 đồng của T, số còn lại T chia cho T. 1/2.

2.5. Ngày 24-7-2016 T và Th sử dụng chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh N, dán ảnh của Th đi đến cửa hàng V, địa chỉ: 27/17 đường ĐT743, thuộc khu phố Bình Phước, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An mua 01 điện thoại di động hiệu SamSung trị giá 10.250.000 đồng, T trả trước 2.000.000 đồng và được Công ty TNHH HC cho vay số tiền 8.250.000 đồng. Sau khi mua được điện thoại, T và Th đến Cửa hàng điện thoại di động Q bán được 7.000.000 đồng, T cho Th 500.000 đồng, chia cho T. 2.250.000 đồng, còn lại T cất giữ tiêu xài.

2.6. Đến cuối tháng 08 năm 2016, T. làm giả một bộ hồ sơ đề nghị vay vốn tiêu dùng với số tiền 40.000.000đ cho K dưới lai lịch là Đặng Thanh Quốc . Hồ sơ trên được Đặng Phan Quốc Khải mang đến điểm tư vấn tín dụng để biển S tại khu phố Bình Phước B , phường Bình Chuẩn , thị xã Thuận An , tỉnh Bình Dương để đăng ký , truyền dữ liệu về Công ty để thẩm định . Tuy nhiên, hồ sơ nói trên không được Công ty duyệt cho vay.

2.7. Tháng 07 năm 2016, T. và Th đến Địa điểm kinh doanh số 6 – Chi nhánh Công ty CP Thế giới di động, địa chỉ: 63A/1 khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An để làm thủ tục mua một điện thoại Samsung Galaxy A9 Pro với giá 11.990.000đ, trả trước số tiền là 4.796.000đ (do T. chuẩn bị trước đó) và được Công ty T cho vay số tiền 7.194.000đ với hồ sơ mang tên Phạm Văn N. Sau khi nhận được điện thoại, T., Th đến Cửa hàng điện thoại di động Q bán được 9.000.000đ, trừ đi số tiền trả trước, còn lại là 4.204.000đ T. và Th chia nhau tiêu xài.

2.8. Ngày 31-7-2016, T và Th đến Địa điểm kinh doanh của Chi nhánh của Công ty Cổ phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT (Cửa hàng FPT shop) tại số 5/171 Thủ Khoa Huân, khu phố Hòa Tân 1, phường Th Giao, thị xã Thuận An để làm thủ tục mua một điện thoại di động Samsung Galaxy A7 với giá 9.990.000đ, trả trước số tiền là 2.000.000đ (do T chuẩn bị trước đó) và được Công ty T cho vay số tiền 7.990.000đ theo hồ sơ vay mang tên Lê Minh N. Sau khi nhận được điện thoại T, Th đến Cửa hàng điện thoại di động Q bán được 7.000.000đ, trừ đi số tiền trả trước còn lại 5.000.000đ, T cho Th 1.000.000đ và giữ số tiền còn lại để tiêu xài.

2.9. Ngày 10-8-2016, Lê Thị Ngọc H cùng với T., T đến địa điểm kinh doanh số 22 – Chi nhánh Công ty Cổ phần T Bình Dương tại số 200, khu phố T, phường A, thị xã T. H trực tiếp vào làm thủ tục vay Công ty T số tiền 11.990.000đ với hồ sơ tên

Võ Thị Y để mua một điện thoại di động Samsung Galaxy A9 Pro. Điện thoại này Lê Thị Ngọc H sử dụng và đã làm mất.

2.10. Tháng 8-2016, tại phòng trọ thuộc phường T, thị xã T, tỉnh B, Nguyễn Thị Thu H cầm cố một xe Honda Airblade biển số 72K1-197.91 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký. Do cần tiền tiêu xài, Thu H đưa xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký cho T. để đi cầm cố. Sau khi bàn bạc với Thu H, T. làm giả một tờ chứng thực chứng minh nhân dân với hình ảnh của mình và thông tin lai lịch của người thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký xe là Đặng Hoàng K. Ngày 27-8-2016, T. đến Hộ kinh doanh Thanh Sơn II xuất trình giấy tờ và cầm cố xe mô tô nói trên được 25.000.000đ. T. về đưa cho Thu H số tiền 25.000.000đ, H chia lại T. 5.000.000đ, còn lại là 20.000.000đ Huyền cất giữ.

2.11. Ngày 25-7-2016 với thủ đoạn như trên, Ngô Thành T dùng chứng minh nhân dân làm giả mang tên Lê Quang Be vay số tiền 9.592.000 đồng từ Công ty Tài chính H để mua điện thoại Samsung Galaxy A9 Pro tại chi nhánh Công ty Cổ phần sản xuất thương mại xuất nhập khẩu V, đường ĐT 745 khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An. Điện thoại này T sử dụng và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Hành vi của các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T, Đặng Phan Quốc K, Đoàn Thị Thúy V, Trần Hoàng T, Nguyễn Thị Thu H, Lê Thị Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Đối với Đinh Hoàng T. nhiều lần làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và cùng đồng phạm lừa đảo chiếm đoạt với tổng số tiền là 134.266.000 đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 267 và Điểm e Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Đối với Ngô Thành T nhiều lần làm giả con dấu, tài liệu và cùng đồng phạm lừa đảo chiếm đoạt với tổng số tiền là 113.321.000đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 267 và Điểm e Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Đối với Đặng Phan Quốc K, Đoàn Thị Thúy V nhiều lần làm giả con dấu, tài liệu và tham gia lừa đảo chiếm đoạt với tổng số tiền là 67.000.000đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 267 và Điểm e Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Đối với Trần Hoàng T nhiều lần cùng đồng phạm làm giả con dấu, tài liệu và tham gia lừa đảo chiếm đoạt với tổng số tiền 31.424.000 đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 267 và Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Đối với Nguyễn Thị Thu H 01 lần làm giả con dấu, tài liệu và lừa đảo chiếm đoạt với số tiền 25.000.000 đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 267 và Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Đối với Lê Thị Ngọc H 01 lần làm giả con dấu, tài liệu và chiếm đoạt với số tiền 11.990.000 đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 267 và Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì quy định khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Theo Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì quy định khung hình phạt tù chỉ từ 06 tháng đến 02 năm. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), áp dụng theo hướng có lợi cho các bị cáo Thu H, Ngọc H thì hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của các bị cáo được áp dụng theo Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo T. cho rằng mình chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) vì bị cáo không biết và không trực tiếp tham gia cũng như hưởng lợi từ việc T, K và V sử dụng hồ sơ giả mang tên Nguyễn Thị Kha L và Đào Trọng N để lừa đảo, chiếm đoạt 67.500.000 đồng khi mua 02 xe mô tô cũng như việc T sử dụng hồ sơ mang tên Lê Quang B lừa đảo chiếm đoạt 9.592.000 đồng khi mua điện thoại di động là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo T. là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị công cụ như máy vi tính, máy phô tô đa năng để thực hiện việc làm hồ sơ giả toàn bộ các hồ sơ nói trên, sau đó bị cáo T. rủ rê bị cáo T và các bị cáo còn lại sử dụng các hồ sơ giả do bị cáo T. trực tiếp làm để thực hiện hành vi lừa đảo. Trước khi làm hồ sơ mang tên Kha Lao và Trọng Nghĩa, bị cáo T. thừa nhận có nghe bị cáo T nói là không có xe mô tô làm phương tiện đi lại nên nhờ bị cáo T. làm hồ sơ giả để đi lừa kiếm xe về sử dụng, sau khi chiếm đoạt được xe, bị cáo T mang xe về phòng trọ và nói cho bị cáo T. biết việc này cũng như những lần bị cáo T cùng bị cáo Th thực hiện lừa đảo khi mua điện thoại rồi mang đi tiêu thụ về đều chia tiền cho bị cáo T.. Tại lời nói sau cùng, bị cáo T. cũng đã nhìn nhận hành vi của mình là vi phạm, rủ rê, trực tiếp thực hiện hoặc giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên cũng không có ý kiến gì thêm về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã đề nghị áp dụng đối với mình.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm, nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo cố tình thực hiện, làm giả hồ sơ, con dấu, tài liệu của các cơ quan, tổ chức rồi mang hồ sơ này đi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường, uy tín của các Cơ quan Nhà nước, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Lỗi của các bị cáo trong vụ án này là cố ý trực tiếp. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án có vai trò đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T. là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ phạm tội (máy vi tính, máy phô tô), trực tiếp thực hiện làm giả toàn bộ các hồ sơ, con dấu, tài liệu, thể hiện vai trò cao nhất trong vụ án nên phải chịu mức án cao hơn. Bị cáo T sau khi được bị cáo T. rủ rê cũng đã tích cực thực hiện, chuẩn bị công cụ phạm tội (mua thêm máy in màu), rủ rê bị cáo K, V, thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn các bị cáo còn lại nên phải chịu mức án cao hơn.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T. rủ rê bị cáo Ngọc H phạm tội là tình tiết tăng nặng xúi giục người chưa thành niên phạm tội theo Điểm n Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Các bị cáo T, K, V, Th, Ngọc H, Thu H phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Các bị cáo K, Th, T đã tác động gia đình nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Gia đình bị cáo T có công với Nhà nước, ông bà ngoại của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng 3, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, con bị bệnh bại não là tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo Ngọc H khi phạm tội chưa thành niên nên áp dụng các Điều 69, 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên, sau khởi tố vụ án, bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục.

Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

Đối tượng tên H được T., T khai nhận đã giúp làm giả các tài liệu nhưng không xác định được lai lịch nên Cơ quan CSĐT chưa có căn cứ xử lý, khi nào làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra xác định Đinh Hoàng T. và Ngô Thành T còn có hành vi phạm tội xảy ra tại Cửa hàng Thế giới di động H, thị xã T, tỉnh B, Cơ quan Công an thị xã Thuận An có văn bản thông báo cho Công an thị xã Tân Uyên thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Huỳnh Ngọc S chủ Hộ kinh doanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ thể hiện yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 25.000.000 đồng. Khi bị bắt, Cơ quan Điều tra đã thu giữ số tiền 20.000.000 đồng do bị cáo Thu H đang cất giữ nên cần giao trả số tiền này lại cho ông Huỳnh Ngọc S, số tiền còn lại 5.000.000 đồng bị cáo T. (được bị cáo H chia) nhận có trách nhiệm bồi thường nên ghi nhận.

Công ty T yêu cầu bồi thường số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 04-01-2018 như sau:

Khoản tiền vay theo hồ sơ tên Đào Trọng N và Nguyễn Thị Kha L là: 122.198.467 đồng. Các bị cáo T., T, K và V nhận trách nhiệm bồi thường nên cần ghi nhận.

Khoản tiền vay theo hồ sơ tên Phạm Văn N, Lê Minh N và Lâm Phước T là: 27.530.000 đồng. Các bị cáo T., T và Th nhận trách nhiệm bồi thường nên cần ghi nhận.

Khoản tiền vay theo hồ sơ tên Võ Thị Y là 13.662.000 đồng, bị cáo T., T và Ngọc H nhận trách nhiệm bồi thường nên cần ghi nhận.

Công ty Tài chính Hwang mất tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ thể hiện yêu cầu bồi thường số tiền nợ gốc và lãi theo hồ sơ vay mang tên Lê Quang B là 13.874.000 đồng, bị cáo T nhận trách nhiệm bồi thường nên cần ghi nhận.

Công ty Tài chính HC vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ thể hiện yêu cầu bồi thường số tiền nợ gốc và lãi theo hồ sơ vay mang tên Lê Minh N là 9.500.000 đồng. Các bị cáo T, T., Th nhận trách nhiệm bồi thường nên cần ghi nhận.

Đối với tiền lãi phát sinh từ 04-01-2018 đến nay cũng như tiền lãi suất nếu các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, những bị hại nói trên không yêu cầu tính theo hợp đồng tín dụng. Đây là sự tự nguyện nên ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra thu giữ:

01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Airblade mang biển số 72K1-197.91, đây là vật chứng trong vụ án “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 18-8-2016 tại thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận An giao xe mô tô nói trên cho Cơ quan CSĐT huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xử lý theo thẩm quyền.

01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, biển số: Không (số khung: RLHJF6304FZ036148; số máy: JF63E-1036188); 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, số loại JF58 Vision, biển số: Không (số khung: RLHJF580XEY546950; số máy: JF58E-0432720) là tài sản mà các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T, Đặng Phan Quốc K và Đoàn Thị Thúy V thực hiện hành vi lừa đảo, thế chấp vay tiền của Công ty T để mua nên cần tiếp tục quản thủ để đảm bảo công tác thi hành án.

01 điện thoại di động mang nhãn hiệu Mobistar B245 màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu LV Mobile LV119 màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 101 màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh và điện thoại di động mang nhãn hiệu LV Mobile LV116; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A9 Pro; 01 máy tính xách tay hiệu Sony Vaio; 01 máy in đa năng hiệu HP M125a; 01 máy in đa năng hiệu HP CP1025; 01 con chuột vi tính; toàn bộ các tài sản trên các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm b Khoản 2 Điều 267; Điểm e Khoản 2 Điều 139; Điểm b Khoản 1 Điều 46; Điểm n Khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Đinh Hoàng T..

Điểm b Khoản 2 Điều 267; Điểm e Khoản 2 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Ngô Thành T.

Điểm b Khoản 2 Điều 267; Điểm e Khoản 2 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Đặng Phan Quốc K.

Điểm b Khoản 2 Điều 267; Điểm e Khoản 2 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Đoàn Thị Thúy V.

Điểm b Khoản 2 Điều 267; Khoản 1 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trần Hoàng T.

Khoản 1 Điều 267; Khoản 1 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46; các Điều 50, 51, 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H.

Khoản 1 Điều 267; Khoản 1 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46; các Điều 50, 53, 69, 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thị Ngọc H.

- Các Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T., Đặng Phan Quốc K., Đoàn Thị Thúy V., Trần Hoàng T., Nguyễn Thị Thu H., Lê Thị Ngọc H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt các bị cáo:

1.1. Đinh Hoàng T.: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-8-2016.

1.2. Ngô Thành T.: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31-8-2016.

1.3. Đặng Phan Quốc K.: 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31-8-2016.

1.4. Đoàn Thị Thúy V: 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 31-8-2016 đến ngày 09-9-2016.

1.5. Trần Hoàng T: 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 năm 06 tháng, thời hạn tù tính từ ngày 01-9-2016.

1.6. Nguyễn Thị Thu H: 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù theo Bản án số 160/2016/HSST ngày 23-12-2016 của Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30-8-2016

1.7. Lê Thị Ngọc H: 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17-10-2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các Điều 288, 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Giao trả cho ông Huỳnh Ngọc S (chủ Hộ kinh doanh T) số tiền 20.000.000 đồng (theo ủy nhiệm chi số 28 ngày 24-3-2017).

Buộc bị cáo Đinh Hoàng T. có trách nhiệm bồi thường cho ông Huỳnh Ngọc S (chủ Hộ kinh doanh T) số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T, Đặng Phan Quốc K, và Đoàn Thị Thúy V có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty T số tiền 122.198.467 đồng.

Buộc các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T và Trần Hoàng T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty T số tiền 27.530.000 đồng.

Buộc các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T và Lê Thị Ngọc H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty T số tiền 13.662.000 đồng.

Buộc bị cáo Ngô Thành T có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Tài chính HS số tiền 13.874.000 đồng.

Buộc các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T và Trần Hoàng T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty Tài chính HC số tiền 9.500.000 đồng.

Tiếp tục quản thủ số tiền 10.000.000 đồng gia đình bị cáo Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000255 ngày 20-3-2018; 5.000.000 đồng gia đình bị cáo K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000267 ngày 04-6-2018 và 2.000.000 đồng gia đình bị cáo T đã nộp

theo biên lai thu tiền số 0000268 ngày 02-7-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục quản thủ 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, biển số: Không (số khung: RLHJF6304FZ036148; số máy: JF63E-1036188); 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, số loại JF58 Vision, biển số: Không (số khung: RLHJF580XEY546950; số máy: JF58E-0432720) để đảm bảo thi hành án khoản tiền 122.198.467 đồng mà các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T., Đặng Phan Quốc K và Đoàn Thị Thúy V liên đới bồi thường cho Công ty T. Trường hợp các bị cáo thanh toán xong khoản tiền này thì giao trả 02 xe nói trên cho các bị cáo Đinh Hoàng T., Ngô Thành T., Đặng Phan Quốc K và Đoàn Thị Thúy V.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động mang nhãn hiệu Mobistar B245 màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu LV Mobile LV119 màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 101 màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh và điện thoại di động mang nhãn hiệu LV Mobile LV116; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A9 Pro; 01 máy tính xách tay hiệu Sony Vaio; 01 máy in đa năng hiệu HP M125a; 01 máy in đa năng hiệu HP CP1025; 01 con chuột vi tính;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-3-2017).

4. Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đinh Hoàng T. phải chịu 2.672.346 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Ngô Thành T phải chịu 3.066.046 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đặng Phan Quốc K phải chịu 1.527.480 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đoàn Thị Thúy V phải chịu 1.527.480 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Hoàng T phải chịu 617.166 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo, bị hại, người liên quan, Luật sư;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

(đã ký)

Phạm Anh Thi